

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2022/HS-ST**

Ngày 23-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu.

2. Bà Hoàng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 31/10/1987 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959; Con bà: Ngô Thị H4, sinh năm 1964; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con đầu; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị H5 sinh năm 1989, có 02 con sinh năm 2017 và 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trịnh Duy H**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 03/02/1989 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Hiện đang là phạm nhân chấp hành án phạt tù tại Đội 17, Phân trại số 1, Trại giam Định Thành đóng tại xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Cao Ng, sinh năm 1959; Con bà: Bùi Thị V (tên gọi khác Bùi Thị P), sinh năm 1959; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 3; Bị cáo có vợ là Ngô Thị T2 (đã ly hôn), có 02 con sinh năm 2012 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 19/2020/HS-PT ngày 21/02/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 11 năm tù về tội Hiếp dâm người dưới 16 tuổi (thực hiện hành vi phạm tội ngày 29/6/2019). Bị cáo đã chấp hành án từ ngày 30/6/2019 đến 16 giờ ngày 27/6/2022.

Bị cáo bị áp dụng lệnh tạm giam số 49/LTG-CSĐT ngày 03/6/2022 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Định, thời gian tạm giam kể từ ngày 03/6/2022. Tuy nhiên, do bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành, nên đến 16 giờ 00 ngày 27/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Định mới nhận bàn giao bị cáo để thi hành lệnh tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Hoàng Ngọc K**, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 30/01/1987 tại xã X, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Ngọc C, sinh năm 1961; Con bà: Đoàn Thị Đ, sinh năm 1966; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con đầu; Bị cáo có vợ là Trịnh Thị M (đã ly hôn), có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/8/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Trịnh Đăng B, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Khu 5, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Vũ Văn N, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Phố LT, phường X, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Phan Việt H1, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Phố N, phường X, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bà Lê Thị H2, sinh năm: 1971, nơi cư trú: Khu 5, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Bà Đặng Thị H3, sinh năm: 1966, nơi cư trú: Khu phố E, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/3/2018, Nguyễn Ngọc T có nhu cầu thuê xe ô tô để làm phương tiện đi lại và làm dịch vụ chạy xe taxi nên đến nhà anh Trịnh Đăng B ở khu 5, thị trấn Q, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để thuê xe ô tô tự lái. Anh B đồng ý cho T thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E, 5 chỗ, màu nâu vàng, biển kiểm soát 36A-197.93, với giá thuê là 1.200.000 đồng/ngày đêm, thời gian thuê xe là 01 tháng. Đến ngày 19/3/2018, do cần tiền nên B nảy sinh ý định mang chiếc xe thuê của anh B đi cầm cố. T đưa xe ô tô nhờ Trịnh Duy H mang đi cầm cố giúp thì H đồng ý. H mang xe ô tô đến Công ty tài chính MV ở phường

Trường Thi, thành phố Thanh Hóa gặp anh Vũ Văn N và anh Phan Việt Hà đều trú tại phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa là nhân viên của Công ty, thỏa thuận viết giấy gửi xe ô tô trên để vay số tiền 200.000.000 đồng, nH do H không có giấy tờ tùy thân nên không thực hiện được. H gọi điện nói với T nhờ Hoàng Ngọc K đem chứng minh nhân dân đến để cầm cố xe. T gọi điện cho K bảo K mang theo chứng minh nhân dân đi có việc với T thì K đồng ý. Sau khi gọi điện cho T xong, H cũng gọi điện cho K nói nhờ K đi cầm cố xe ô tô giúp cho T. Lúc này, H để xe ô tô ở lại Công ty tài chính MV rồi đi bộ ra quảng trường Lam Sơn ngồi uống nước để chờ T và K. Sau khi nhờ được K, T đi xe taxi đến đón K rồi cùng đi xuống thành phố Thanh Hóa gặp H. Khi cả ba gặp nhau T nói nhờ K và H đi cầm cố xe ô tô, H dẫn K đi bộ vào trụ sở Công ty tài chính MV gặp anh N và anh H1 để cầm cố xe vay tiền. Tại đây, K để lại chứng minh nhân dân và trực tiếp viết giấy gửi xe với nội dung để lại xe ô tô Toyota biển kiểm soát 36A-197.93 làm tin và mượn của anh Hà số tiền 200.000.000 đồng. Khi viết giấy gửi xe thì K biết đó là xe của anh Trịnh Đăng B. Sau khi K viết giấy gửi xe xong thì anh N để 200.000.000 đồng lên bàn, khi đó cả K và H không đếm lại mà cầm toàn bộ số tiền anh N vừa đưa mang ra đưa cho T. Số tiền có được từ việc cầm cố xe, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi hết hạn hợp đồng thuê xe, anh B yêu cầu T trả xe nhưng T khất lần không trả. Sau nhiều lần anh B đòi xe thì T nói đã cầm cố xe ô tô ở thành phố Thanh Hóa và trả cho anh B 10.000.000 đồng tiền thuê xe. Sau đó, T bỏ đi miền nam để trốn tránh việc trả xe cho anh B nên anh B đã làm đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Ngọc T.

Ngày 06/01/2019, sau khi khởi tố vụ án Cơ quan điều tra đã ra quyết định tạm giữ đối với chiếc xe ô tô Toyota biển kiểm soát 36A-197.93 của anh Trịnh Đăng B và ngày 07/01/2019, anh Phan Việt H1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Trị giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E, 5 chỗ, màu nâu vàng, biển kiểm soát 36A-197.93 là 409.063.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Sau khi xác minh làm rõ nguồn gốc và định giá chiếc xe Toyota biển kiểm soát 36A-197.93, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng, giao trả lại chiếc xe cho anh Trịnh Đăng B vào ngày 02/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi khởi tố vụ án, vào khoảng tháng 5/2022, Nguyễn Ngọc T đã tự nguyện trả cho anh B số tiền 20.000.000 đồng. Anh B yêu cầu Nguyễn Ngọc T phải trả thêm tiền thuê xe và bồi thường thiệt hại là 80.000.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, T đã tác động gia đình bồi thường cho anh T số tiền 80.000.000 đồng. Anh B đã viết giấy nhận tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng. Anh B không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Ngọc T.

Đối với số tiền Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K vay tại Công ty tài chính MV xác định là tiền của anh Vũ Văn N cho vay. Đến nay, H và K chưa trả nợ cho anh N. Anh Vũ Văn N yêu cầu Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K phải trả số nợ đã vay là 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKSYĐ ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố Nguyễn Ngọc T, Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật để xử phạt các bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Ngọc T từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 07/6/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trịnh Duy H từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của Bản án hình sự phúc thẩm số 19/2020/HS-PT ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án, được trừ thời gian đã chấp hành án của bản án trước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Ngọc K từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/8/2022.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả cho anh Vũ Văn N số tiền 200.000.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Thông qua tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K hoàn toàn thừa nhận: Vào ngày 19/3/2018, sau khi thuê được chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios E, 5 chỗ, màu vàng nâu, biển kiểm soát 36A-197.93 của anh Trịnh Đăng B, Nguyễn Ngọc T đã nhờ Trịnh Duy H cùng Hoàng Ngọc K mang xe đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, sau đó bỏ đi miền nam để chiếm đoạt tài sản, trị giá tài sản đã chiếm đoạt được định giá là 409.063.000 đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố các bị cáo theo tội danh trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, quan hệ pháp luật xâm phạm, tính chất đồng phạm và vai trò của các bị cáo:

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, do các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K cùng thực hiện. Trong đó: T là người khởi xướng nên có vai trò thứ nhất. H và K là người giúp sức cho T thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H giúp sức tích cực từ đầu nên giữ vai trò thứ hai. Bị cáo K giữ vai trò thứ ba.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Trịnh Duy H đang chấp hành hình phạt tù của Bản án 19/2020/HS-PT, tuy nhiên bản án này xét xử về hành vi phạm tội thực hiện sau hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tại thời điểm phạm tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản bị cáo H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

Các bị cáo đều được hưởng tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Ngọc T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự “Tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Từ việc đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để trừng trị và cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các bị cáo phạm tội lần đầu, không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đồng thời, căn cứ vào vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

Đối với bị cáo H đang chấp hành hình phạt 11 năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 19/2020/HS-PT ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ mà lại bị xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, nên phải tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án, sau đó trừ thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt của bản án trước là 02 năm 11 tháng 27 ngày, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là chiếc xe Toyota biển kiểm soát 36A-197.93. Sau khi xác minh làm rõ nguồn gốc và định giá chiếc xe ô tô, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng, giao trả lại chiếc xe cho anh Trịnh Đăng B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Trịnh Đăng B yêu cầu Nguyễn Ngọc T phải trả tiền thuê xe và bồi thiệt hại tổng là 100.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền 100.000.000 đồng. Anh B đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Vũ Văn N yêu cầu cả 03 bị cáo phải trả số tiền nợ đã vay của anh là 200.000.000 đồng. Anh N không yêu cầu trả lãi. Tại phiên tòa các bị cáo thỏa thuận với nhau bị cáo T là người sử dụng số tiền vay nên bị cáo T có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng cho anh N. Anh N chấp nhận để bị cáo T đứng ra trả nợ. Vì vậy, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo, buộc bị cáo T phải trả cho anh Vũ Văn N 200.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Các bị cáo T, H và K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo T có nghĩa vụ phải trả nợ cho anh N nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 07/6/2022.

- Áp khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Duy H 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 11 năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 19/2020/HS-PT ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (theo Quyết định thi hành án số 18/2020/QĐ-CA ngày 18/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 16 (Mười sáu) năm 09 (Chín) tháng tù, được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án 19/2020/HS-PT là 02 năm 11 tháng 27 ngày, còn phải chấp hành 13 (Mười ba) năm 09 (Chín) tháng 03 (Ba) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2022.

- Áp khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc K 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/8/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho anh Vũ Văn N số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Trịnh Duy H và Hoàng Ngọc K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung